

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ vận chuyển clinker rời bằng đường biển.

Gói thầu số: 109/ĐTRR/XMCP/ĐT/2026

Phát hành ngày: 29/05/2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thái Hưng

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu (BMT) là Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả (Công ty), áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản copy QC MSTX để nghiên cứu dự thầu) mời nhà thầu tham gia đấu thầu rộng rãi gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ vận chuyển clinker rời bằng đường biển.

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 214 ngày (184 ngày thực hiện dịch vụ cộng thêm 30 ngày tiếp theo tiến hành các thủ tục nghiệm thu hoàn thành dịch vụ cho đợt thực hiện dịch vụ cuối cùng).

Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này;

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ mời thầu (HSMT)

1. Làm rõ HSMT

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu để xem xét xử lý. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT;
- Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến sửa đổi cơ bản HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSMT đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSMT, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSMT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSMT được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSMT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSMT

HSMT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền);
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh);
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu;
5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu;
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
7. Các nội dung khác: Tài liệu về kỹ thuật của sản phẩm, tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh...

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSMT.

2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMT với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là: **60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: séc, thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc nộp tiền mặt trước thời điểm đóng thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **1.500.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: **Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn./.**).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **90 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDT sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên

khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMT nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX;

d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 10 giờ 00 ngày 12 tháng 06 năm 2026

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT khi HSDT được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc 10 giờ 30 ngày 12 tháng 06 năm 2026 tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên

của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu tối đa 03 ngày làm việc tiếp theo *sau khi đóng thầu và phù hợp với quy định của QC MSTX*. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.

Mục 14. Đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu

chuẩn đánh giá HSDT.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a. Báo cáo đánh giá HSDT.
- b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu.
- c. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).

f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Tỷ lệ thương thảo ký kết hợp đồng: Đơn vị mua sắm căn cứ tình hình thực tế sẽ xem xét và quyết định tỷ lệ ký kết hợp đồng cụ thể như sau:

T T	Nội dung	Tỷ lệ ký hợp đồng	Điều kiện đảm bảo
1	Nhà thầu xếp thứ 1	Ký hợp đồng với giá trị tối thiểu 70% giá trị gói thầu	Nhà thầu đủ điều kiện đáp ứng 100% theo yêu cầu của Bên mời thầu.
2	Nhà thầu xếp thứ 2 (<i>Ưu tiên đàm phán theo thứ tự xếp hạng đánh giá</i>)	Ký hợp đồng giá trị tối đa 30% giá trị gói thầu	1. Có giá được đánh giá xếp thứ hai và phải đảm bảo đơn giá ký hợp đồng không được vượt quá đơn giá ký với Nhà thầu có giá đánh giá xếp thứ nhất và chất lượng hàng hóa phải tương đương hoặc cao hơn Nhà thầu xếp thứ nhất. 2. Vượt qua các bước đánh giá năng lực, kinh nghiệm, yêu cầu kỹ thuật,... của Bên mời thầu.

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện Bên mời thầu có quyền điều chỉnh tỷ lệ nêu trên để đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia/hệ thống mạng đấu thầu Viettel/khác (nếu có).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSMT thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSDT.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Là việc Nhà thầu thực hiện bằng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu. Giá trị và nội dung bảo đảm theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMT này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Đặng Xuân Hùng – Trưởng Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; SĐT: 0967.910666;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Thái Hưng – Tổng Giám đốc; SĐT: 0983.000.125;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc:

Đầu mối: Tổ trưởng tổ chuyên gia - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Km6, QL18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Thị Quý Dương - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; sđt: 037.931.8686; địa chỉ email: Duongntq@viettel.com.vn.

Mục 21. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của QC MSTX, quy định của pháp luật đấu thầu liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Ông Nguyễn Văn Bình – Chánh Văn Phòng; SĐT – 0965.136.188.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSDT	01 bản gốc	
2	Đơn dự thầu	Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng/đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 214 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	
		Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào hàng/dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSDT	Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSDT được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với nhà thầu độc lập: Có tối thiểu một năm kinh nghiệm. - Đối với trường hợp liên danh: Tối thiểu một trong các thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu trên.
1.2	- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá trong tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng tối thiểu các hợp đồng trong tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành một phần trong vòng 03 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): + Số lượng hợp đồng: có tối thiểu 01 hợp đồng, hợp đồng có nội dung: Cung cấp dịch vụ vận chuyển nguyên liệu rời bằng đường biển. + Giá trị 1 hợp đồng (hợp lệ) $\geq 50.000.000.000$ đồng. - Nhà thầu cung cấp bản sao của hợp đồng và các hóa đơn bán hàng, hồ sơ nghiệm thu hoặc hồ sơ thanh lý để chứng minh (khi cần thiết, BMT có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu, chứng minh). - Đối với Nhà thầu liên danh: Từng thành viên Liên danh phải thỏa mãn yêu cầu về số lượng và giá trị nêu trên (tương đương với phần công việc đảm nhận).
2	Năng lực tài chính:	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2025 tối thiểu là: 149.000.000.000 đồng. (Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 tối thiểu là: 0 VND. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng yêu cầu).
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	<p>Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2025 và phải đáp ứng được một trong những yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế. - Đã được kiểm toán. - Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế. - Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai. - Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. - Trường hợp nộp thuế qua mạng, yêu cầu in, đóng dấu xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2025.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá: Sử dụng phương pháp đánh giá Đạt/Không đạt. HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là (đạt)	Không đạt
1	Phạm vi cung cấp	Nội dung đề xuất trong HSDT đáp ứng nội dung đã nêu tại Mục 2, chương IV của HSMT	Nội dung đề xuất trong HSDT không đáp ứng được nội dung yêu cầu tại Mục 2, chương IV của HSMT
2	Tiến độ và địa điểm thực hiện	Nội dung đề xuất trong HSDT đáp ứng nội dung đã nêu tại Mục 3.1, chương IV của HSMT	Nội dung đề xuất trong HSDT không đáp ứng được nội dung yêu cầu tại Mục 3.1, chương IV của HSMT
3	Yêu cầu về phương tiện vận chuyển	Nội dung đề xuất trong HSDT đáp ứng nội dung đã nêu tại Mục 3.2, chương IV của HSMT	Nội dung đề xuất trong HSDT không đáp ứng nội dung yêu cầu tại Mục 3.2, chương IV của HSMT
3	Kê khai danh sách Tàu và các nội dung khác yêu cầu về Tàu	Nội dung đề xuất trong HSDT đáp ứng nội dung đã nêu tại Mục 3.3, Chương IV của HSMT	Nội dung đề xuất trong HSDT không đáp ứng nội dung đã nêu tại Mục 3.3, Chương IV của HSMT
4	Yêu cầu khác	Nội dung đề xuất trong HSDT đáp ứng nội dung đã nêu tại Mục 3.4, Chương IV của HSMT	Nội dung đề xuất trong HSDT không đáp ứng nội dung đã nêu tại Mục 3.4, Chương IV của HSMT

MỤC 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁ

Áp dụng Phương pháp giá đánh giá:

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{ĐG} = 360.000 \times ĐG_{đánh\ giá} - G_{giảm\ giá\ (nếu\ có)}$$

Trong đó:

- $G_{ĐG}$: là giá đánh giá.
- $G_{giảm\ giá\ (nếu\ có)}$: là giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu.
- 360.000: là khối lượng mời thầu: “Vận chuyển Clinker rời bằng đường biển”.
- $ĐG_{đánh\ giá}$: là đơn giá đánh giá: “Vận chuyển Clinker rời bằng đường biển” của Bên mời thầu.
- $ĐM$: Định mức.

- ĐG_d: Là giá Dầu diesel (*Dầu diesel 0.05%S-II, Vùng 1, trước thuế GTGT*) theo thông báo giá của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại thời điểm mở thầu.

- ĐG_{cd}: Là đơn giá cố định (Theo đơn giá nhà thầu đề xuất).

- Cách xác định “ĐG_{đánh giá}” như sau:

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Chi phí Nhiên liệu (dầu Diesel)	Lít/tấn	ĐM: Định mức là định mức của nhà thầu đề xuất nhưng không lớn hơn 6,27.	ĐG _d	A= ĐM x ĐG _d
2	Các chi phí còn lại	VNĐ/tấn	1 (Cố định định mức là 1)	ĐG _{cd}	B=1x ĐG _{cd}
Tổng cộng					C=A+B
Thuế VAT (...%) theo quy định hiện hành tại thời điểm mở thầu.					D=C x % thuế suất
Tổng cộng giá trị sau thuế					ĐG_{đánh giá} =C+D

Bước 3. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT.

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá đánh giá thấp nhất sau khi tính ưu đãi được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

Đề nghị Nhà thầu chào rõ cơ cấu giá (Đơn giá vận chuyển = Định mức x Đơn giá Dầu diesel + Chi phí cố định). Giá chào của nhà thầu sẽ được đánh giá lại theo giá Dầu diesel tại thời điểm mở thầu để xác định giá đánh giá.

Để thuận tiện cho quá trình đánh giá “**giá đánh giá**” của Bên mời thầu, đề nghị Nhà thầu đính kèm chi tiết tính toán “**Đơn giá dự thầu**” theo mẫu nêu dưới đây vào HSDT. Với: (1) Định mức chi phí nhiên liệu ≤6,27 Lít/tấn; (2) ĐG_d: Là giá Dầu diesel (*Dầu diesel 0.05%S-II, Vùng 1, trước thuế GTGT*) theo thông báo giá của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại thời điểm chào thầu (*giá Dầu diesel tại thời điểm mở thầu sẽ là cơ sở để xác định giá đánh giá*); (3) Thuế VAT: là mức thuế suất tại thời điểm chào thầu;

Trường hợp Nhà thầu không đề xuất “**Đơn giá dự thầu**” đính kèm cùng HSDT thì Bên mời thầu vẫn tiếp hành xác định “**giá đánh giá**” theo nội dung đã nêu trên, gửi thông báo về “**giá đánh giá**” tới Nhà thầu và Nhà thầu sẽ bị loại nếu Nhà thầu không chấp thuận “**giá đánh giá**” của Bên mời thầu.

- Cách lập “**Đơn giá dự thầu**” như sau:

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Chi phí Nhiên liệu (dầu Diesel)	Lít/tấn	ĐM: Định mức (là định mức do Nhà thầu đề xuất)	ĐG _d	A= ĐM x ĐG _d

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
2	Các chi phí còn lại	VNĐ/tấn	1 (Cố định định mức là 1)	ĐGcđ	$B=1 \times \text{ĐGcđ}$
	Tổng cộng				$C=A+B$
	Thuế VAT (...%) theo quy định hiện hành tại thời điểm chào thầu				$D=C \times \% \text{ thuế suất}$
	Tổng cộng giá trị sau thuế				$\text{ĐG}_{\text{dự thầu}} = C+D$

Trong đó:

- $\text{ĐG}_{\text{dự thầu}}$: là đơn giá dự thầu của nhà thầu.
- ĐM : Định mức.
- ĐG_d : Là giá Dầu diesel (*Dầu diesel 0.05% S-II, Vùng 1, trước thuế GTGT*) theo thông báo giá của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại thời điểm dự thầu.
- ĐGcđ : Là đơn giá cố định (Theo đơn giá nhà thầu đề xuất).

Ghi chú:

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSMT có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn giá chào hàng chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định;

Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT.

Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ

sở cho việc sửa lỗi.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong HSDT thì bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT đó sẽ bị loại.

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn dự thầu*]Tên gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu*]Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất

các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trường hợp thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN (1)

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày _____ [ghi ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____

[Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)***Bên thụ hưởng:** ___ [*Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu*]**Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ [*Ghi ngày phát hành bảo lãnh*]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___ [*Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]**Bên bảo lãnh:** ___ [*Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự đấu thầu rộng rãi để thực hiện gói thầu ___ [*Ghi tên gói thầu*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)***Bên thụ hưởng:** ___ [Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]**Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** ___ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự đấu thầu rộng rãi để thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên

thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Stt	Tên hàng hóa	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
...	...					
	Tổng cộng giá trị trước thuế					
	Thuế GTGT ...%					
	Tổng cộng giá trị sau thuế					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Các cột (2), (5), (6) Nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa/Nội dung công việc quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (3), (4), (7), (8) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ vận chuyển Clinker rời bằng đường biển;
- Số hiệu gói thầu: 109/ĐTRR/XMCP/ĐT/2026.
- Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh;
- Địa điểm thực hiện dịch vụ: từ Cảng xuất Nhà máy chính tại Quảng Ninh hoặc cảng được Bên mời thầu chỉ định tại khu vực Phía Bắc Việt Nam đến Cảng nhập Chi nhánh Phía Nam tại TP Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 214 ngày.
- Nội dung dịch vụ: Vận chuyển Clinker rời bằng đường biển.
- Thời gian dự kiến triển khai thực hiện dịch vụ: từ đầu Tháng 07/2026 đến hết tháng 12/2026.
- Các khái niệm/định nghĩa nêu dưới đây được xuyên suốt quá trình đấu thầu, quá trình thực hiện hợp đồng:
 - Bên A là Bên mời thầu, Bên B là Nhà thầu.
 - "Hàng hóa" là nguyên liệu Clinker rời;
 - "Dịch vụ" là dịch vụ vận chuyển hàng hóa mà Bên B cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng;
 - "Dịch vụ liên quan" là dịch vụ: hoa tiêu, tàu lai dắt, dịch chuyển tàu tại hai đầu cảng, chuyển tải 2 đầu (nếu có), không bao gồm dịch vụ bốc xếp;
 - "Chi nhánh Phía Nam" là Chi nhánh Phía Nam của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;
 - "Hoàn thành" là việc Bên B hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;
 - "Văn bản": bao gồm "Đơn đặt hàng" và "Xác nhận Đơn đặt hàng";
 - "Đơn đặt hàng" là văn bản của Bên A gửi Bên B hàng tháng;
 - "Xác nhận Đơn đặt hàng" là văn bản của Bên B gửi Bên A hàng tháng;
 - "Cảng xếp hàng" là Cảng xuất Nhà máy Xi măng Cẩm Phả (phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh) hoặc cảng được Bên mời thầu chỉ định tại khu vực Phía Bắc Việt Nam;
 - "Cảng dỡ hàng" là Cảng nhập Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh);
 - "Tàu": là loại Tàu chở hàng rời hoặc Tàu chở hàng khô hoặc Tàu chở

hàng tổng hợp đăng ký là Tàu biển hoặc phương tiện thủy nội địa (Tàu tự hành, cấp phương tiện VR-SB; không bao gồm Sà Lan biển);

Trọng tải Tàu nêu trong HSMT này là: Trọng tải toàn phần.

"Tàu chuyên tuyến": là Tàu bắt buộc huy động cho gói thầu này;

Huy động Tàu tham gia gói thầu: Tàu chủ sở hữu của Nhà thầu hoặc Tàu huy động dưới mọi hình thức thể hiện qua "Hợp đồng thuê Tàu";

Hợp đồng thuê Tàu: được hiểu là một trong các văn bản sau: Hợp đồng thuê tàu định hạn hoặc Ủy quyền khai thác của chủ Tàu hoặc Hợp đồng thuê tàu chuyên tuyến hoặc Hợp đồng thuê tàu độc quyền khai thác hoặc Hợp đồng nguyên tắc vận chuyển ký theo năm.

Hợp đồng thuê Tàu đưa vào HSMT phải là bản gốc hoặc bản được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền và Hợp đồng còn hiệu lực tối thiểu đến 31/12/2026;

"Thông báo sẵn sàng làm hàng": là thông báo của Bên B gửi tới Bên A qua email/fax sau khi Tàu đã đến Vùng neo an toàn tại Cảng xếp hàng/Cảng dỡ hàng, được Cảng vụ cấp phép neo đậu và sẵn sàng xếp/dỡ hàng hóa (Thông báo sẵn sàng làm hàng được Bên A nhận trước và đúng 12h00' thì thời gian làm hàng hóa được tính từ 13h30' cùng ngày; Thông báo sẵn sàng làm hàng được Bên A nhận sau 12h00' thì thời gian làm hàng hóa được tính từ 06h00' ngày hôm sau).

"Thời gian làm hàng hóa": là thời gian được tính từ thời điểm 13h30' cùng ngày hoặc 06h00' ngày hôm sau đến khi thực hiện xong xếp/dỡ hàng hóa, giám định món nước tại Cảng xếp/dỡ hàng hóa.

"Thời gian vận chuyển": là thời gian tính cho từng Tàu từ thời điểm thực hiện xếp hàng hóa xong, hai bên A-B ký biên bản giao hàng tại Cảng xếp hàng đến thời điểm Tàu đến Vùng neo an toàn tại Cảng dỡ hàng (trang web của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu cập nhật Tàu cập Vùng neo);

"Tàu rời Cảng xếp hàng": là sau khi Tàu nhận hàng hóa xong tại Cảng xếp hàng và hoàn thiện các thủ tục liên quan để rời Cảng xếp hàng;

"Tàu rời Cảng dỡ hàng": là sau khi Tàu giao hàng hóa xong tại Cảng dỡ hàng và hoàn thiện các thủ tục liên quan để rời Cảng dỡ hàng;

"Đợt vận chuyển": là thời gian tính cho từng đợt vận chuyển: "Đợt 1: từ ngày 1-10; Đợt 2: từ ngày 11-20; Đợt 3: từ ngày 21 đến hết tháng" trong tháng thực hiện "Dịch vụ";

"Khối lượng hàng hóa theo kế hoạch": là khối lượng hàng hóa dự kiến mà các Tàu sẽ nhận và rời "Cảng xếp hàng" trong từng "Đợt vận chuyển" được hai bên A-B thống nhất tại "Văn bản";

"Khối lượng hàng hóa thực hiện theo kế hoạch" là khối lượng hàng hóa mà các Tàu đã nhận và rời "Cảng xếp hàng" trong từng "Đợt vận chuyển";

"Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch" là tỷ lệ % được tính bằng công thức: Khối lượng hàng hóa thực hiện theo kế hoạch / Khối lượng hàng hóa theo kế hoạch x 100%;

"Khối lượng hàng hóa xuất hóa đơn" là khối lượng hàng hóa nhỏ hơn trong 02 Biên bản giám định của Đơn vị giám định tại Cảng xếp hàng/Cảng dỡ hàng cho từng Tàu;

"Đơn vị giám định" là một Công ty Giám định độc lập có đủ tư cách pháp nhân và giấy phép hành nghề giám định được Bên A thuê để giám định khối lượng và chất lượng hàng hóa (nếu cần thiết) trên Tàu của Bên B tại Cảng xếp hàng và Cảng dỡ hàng. Kết quả giám định của Công ty giám định có giá trị pháp lý mà hai bên phải tuân theo;

"Năng suất xếp hàng hóa": 5.000 tấn/ngày tại Cảng xếp hàng (trừ điều kiện bất khả kháng và không tính thời gian san tầy, đánh tầy hầm hàng, dịch chuyển tàu trong quá trình xếp hàng);

"Năng suất dỡ hàng hóa": 3.000 tấn/ngày tại Cảng dỡ hàng (trừ điều kiện bất khả kháng và không tính thời gian san tầy, đánh tầy hầm hàng, dịch chuyển tàu trong quá trình dỡ hàng).

Mục 2. Mục tiêu công việc

Tìm kiếm được Nhà thầu thực hiện dịch vụ như sau:

TT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng yêu cầu dự kiến ($\pm 10\%$)
1	Vận chuyển Clinker (Tháng 07/2026)	Tấn	65.000
2	Vận chuyển Clinker (Tháng 08/2026)	Tấn	55.000
3	Vận chuyển Clinker (Tháng 09/2026)	Tấn	60.000
4	Vận chuyển Clinker (Tháng 10/2026)	Tấn	65.000
5	Vận chuyển Clinker (Tháng 11/2026)	Tấn	60.000
6	Vận chuyển Clinker (Tháng 12/2026)	Tấn	55.000
	Tổng cộng		360.000

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu

3.1. Về Tiến độ và địa điểm thực hiện:

- Tổng tiến độ thực hiện: thực hiện liên tục trong vòng 184 ngày tiếp theo kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tổng thời gian thực hiện hợp đồng: 214 ngày tiếp theo kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tiến độ thực hiện từng tháng: Theo dự kiến kế hoạch thực hiện nêu tại

Mục 2 và căn cứ vào kế hoạch sản xuất của Bên A. Trước ngày 25 hàng tháng, sẽ thông báo bằng Đơn đặt hàng cụ thể gồm các nội dung chính: khối lượng vận chuyển của tháng kế tiếp; chi tiết khối lượng vận chuyển từ ngày 1-10; từ 11-20 và từ 21 đến hết tháng.

=> Nội dung: "Tiến độ thực hiện từng tháng", đề nghị Nhà thầu chỉ cần cam kết đáp ứng về tiến độ thực hiện từng tháng trong HSDT. Các nội dung: "(1) Tổng tiến độ thực hiện; (2) Tổng thời gian thực hiện hợp đồng" đề nghị Nhà thầu đề xuất cụ thể trong HSDT.

- Địa điểm thực hiện dịch vụ: từ Cảng xuất Nhà máy chính tại Quảng Ninh hoặc cảng được Bên mời thầu chỉ định tại khu vực Phía Bắc Việt Nam đến Cảng nhập Chi nhánh Phía Nam tại TP Hồ Chí Minh.

3.2. Yêu cầu về phương tiện vận chuyển

- Là phương tiện vận chuyển thủy (Tàu) có trọng tải toàn phần từ 3.000 tấn (DWT) đến 15.000 tấn ($3.000 \text{ tấn} \leq \text{trọng tải toàn phần} \leq 15.000 \text{ tấn}$).

- Đối với "Tàu chuyên tuyến": Nhà thầu huy động cho gói thầu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau:

STT	Nội dung	Nội dung yêu cầu chi tiết	Tài liệu chứng minh
1	Hình thức huy động Tàu	Tàu chủ sở hữu của Nhà thầu hoặc Tàu huy động dưới mọi hình thức	<p>Đối với "Tàu chủ sở hữu" (Scan Bản gốc hoặc Bản chứng thực các giấy tờ sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký tàu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (<i>còn thời hạn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu</i>). - Giấy chứng nhận bảo hiểm (<i>còn thời hạn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu</i>). <p>Đối với "Tàu huy động dưới mọi hình thức" (Scan Bản gốc hoặc Bản chứng thực các giấy tờ sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thuê tàu (<i>còn hiệu lực tối thiểu đến 31/12/2026</i>). - Giấy chứng nhận đăng ký tàu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (<i>còn thời hạn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu</i>). - Giấy chứng nhận bảo hiểm (<i>còn thời hạn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu</i>).

2	Số lượng	Tối thiểu 02 Tàu chuyên tuyến có trọng tải từ 7.000 tấn - 15.000 tấn và trong đó có ít nhất 01 Tàu chuyên tuyến có trọng tải từ 10.000 tấn – 15.000 tấn.	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng Tàu Nhà thầu đề xuất trong HSDT. - Trọng tải Tàu ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký Tàu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.
3	Loại tàu	Chờ hàng khô/hàng tổng hợp/chờ hàng rời (công dụng để vận chuyển hàng rời).	Giấy chứng nhận đăng ký Tàu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Đối với "Tàu có thể thay đổi trong quá trình thực hiện gói thầu":

+ Số lượng "Tàu có thể thay đổi trong quá trình thực hiện gói thầu" Nhà thầu huy động cho gói thầu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau:

STT	Nội dung	Nội dung yêu cầu chi tiết	Tài liệu chứng minh
1	Hình thức huy động Tàu	Tàu chủ sở hữu của Nhà thầu hoặc Tàu huy động dưới mọi hình thức	<p>Đối với "Tàu chủ sở hữu" (Scan Bản gốc hoặc Bản chứng thực các giấy tờ sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký tàu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (<i>còn thời hạn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu</i>). - Giấy chứng nhận bảo hiểm (<i>còn thời hạn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu</i>). <p>Đối với "Tàu huy động dưới mọi hình thức" (Scan Bản gốc hoặc Bản chứng thực các giấy tờ sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thuê tàu (<i>còn hiệu lực tối thiểu đến 31/12/2026</i>). - Giấy chứng nhận đăng ký tàu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (<i>còn thời</i>

			<i>hạn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu).</i> - Giấy chứng nhận bảo hiểm (<i>còn thời hạn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu</i>).
2	Số lượng	Tối thiểu 03 Tàu có trọng tải từ 3.000 tấn - 15.000 tấn.	- Số lượng Tàu Nhà thầu đề xuất trong HSDT. - Trọng tải Tàu ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký Tàu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.
3	Loại tàu	Chờ hàng khô/hàng tổng hợp/chờ hàng rời (công dụng để vận chuyển hàng rời).	Giấy chứng nhận đăng ký Tàu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

3.3. Kế khai danh sách Tàu và các nội dung khác yêu cầu về Tàu

3.3.1. Tổng trọng tải huy động để thực hiện gói thầu:

- Tổng trọng tải các phương tiện vận chuyển huy động cho gói thầu đảm bảo: ≥ 25.000 tấn.

=> Nội dung này, Bên mời thầu đánh giá theo: (1) số lượng Tàu, Nhà thầu kê khai huy động cho gói thầu; (2) Trọng tải của toàn bộ các Tàu chuyên tuyến và Tàu có thể thay đổi trong quá trình thực hiện gói thầu được đánh giá đạt yêu cầu nêu ở mục 3.2 "Yêu cầu về phương tiện vận chuyển"; (3) Thỏa thuận liên danh của Nhà thầu (nếu có).

3.3.2. Các nội dung yêu cầu Nhà thầu cam kết về Tàu huy động cho gói thầu:

- Bố trí tối thiểu 02 Tàu chuyên tuyến thực hiện vận chuyển thường xuyên liên tục cho Bên mời thầu, trong thời gian thực hiện hợp đồng nhà thầu không được tự ý điều động tàu thực hiện công việc không thuộc phạm vi gói thầu khi chưa được sự đồng ý của Bên mời thầu. Nếu vi phạm nhà thầu chịu bồi hoàn theo quy định nêu trong HSMT.

- Đảm bảo tất cả các Tàu phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, luôn trong tình trạng vận hành bình thường, các hầm hàng phải khô ráo, có đầy đủ nắp hầm hàng, bạt che phủ chống ẩm ướt hàng hoá trong quá trình vận chuyển và phải có đầy đủ hồ sơ tàu hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu toàn bộ chi phí phát sinh về chuyên tải hàng hóa tại 02 đầu cảng (Cảng xếp hàng và Cảng dỡ hàng) nếu Nhà thầu đưa ra các loại Tàu không phù hợp với khả năng tiếp nhận của Cảng hoặc có trọng tải lớn hơn 15.000 tấn.

=> Nội dung này, đề nghị Nhà thầu chỉ cần cam kết đáp ứng về Tàu huy

động cho gói thầu trong HSĐT.

3.3.3. Các nội dung khác yêu cầu về Tàu

- Cung cấp tài liệu chứng minh hoặc Nhà thầu cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm "đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển theo quy định của pháp luật hiện hành".

3.4. Yêu cầu khác

Các nội dung về "Yêu cầu khác" được trình bày trong HSMT này để Nhà thầu được biết và để đảm bảo quá trình thương thảo hợp đồng với Nhà thầu tốt hơn hoặc bằng các nội dung nêu dưới đây:

3.4.1. Về bố trí phương tiện vận chuyển cụ thể cho từng đợt, từng tháng

- Căn cứ Đơn đặt hàng của Bên mời thầu gửi tới Nhà thầu, Nhà thầu phải lập lại kế hoạch điều động phương tiện vận chuyển (loại phương tiện, trọng tải, thời gian dự kiến đến Cảng) và thông báo lại cho Bên mời thầu bằng văn bản.

- Trước khi điều phương tiện vận chuyển về Cảng xếp hàng, Nhà thầu phải gửi qua fax hoặc email cho Bên mời thầu: Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận bảo hiểm; Giấy chứng nhận phân cấp hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa; Thông báo thời gian tàu dự kiến đến Cảng xếp, dỡ hàng cho Bên mời thầu biết trước khi tàu đến cảng 48 giờ và thông báo chính thức ngay sau khi tàu thả neo.

- Nhà thầu phải điều phối tàu đến Cảng Bên mời thầu đúng theo lịch mà Bên mời thầu đã thông báo xác nhận. Trong trường hợp các tàu vận chuyển đến trước hoặc sau thời gian đã được xác nhận, nếu cầu cảng trống (không có kế hoạch tàu) thì Bên mời thầu có thể bố trí cho phương tiện vận chuyển của Nhà thầu vào cầu xếp hàng ngay, tuy nhiên, tàu sẽ phải chờ đợi cầu bến khi Bên mời thầu có kế hoạch giao hàng cho các phương tiện nhận hàng của các khách hàng khác.

- Các hoạt động xếp dỡ hàng tại hai đầu giao, nhận được thực hiện 24/24 giờ hàng ngày kể cả ngày lễ và chủ nhật trong điều kiện khí hậu thời tiết cho phép.

3.4.2. Về giao, nhận

3.4.2.1. Tại Cảng xếp hàng

- Đại diện Bên mời thầu (Chủ tàu/Bên B) nhận hàng từ máng rót đưa xuống tàu để xác định khối lượng, có sự giám sát của đại diện hai bên (Bên B và Bên A) và Đơn vị giám định. Khối lượng thực tế được xác định theo phương pháp giám định mớn nước do Đơn vị giám định cấp tại cảng xếp hàng. Nhà thầu (Chủ tàu/Bên B) phải chịu trách nhiệm về khối lượng hàng hoá thực nhận tại

cảng xếp hàng khi ký vào biên bản giao nhận và biên bản giám định khối lượng.

- Khi giao nhận hàng xong, hai bên lập biên bản giao nhận và tổ chức niêm phong kẹp chì.

- Hàng được niêm phong tại cảng xếp hàng và khi trả hàng phải còn nguyên niêm phong kẹp chì do Đơn vị giám định và Bên mời thầu cấp. Số lượng kẹp chì tùy thuộc số lượng hầm hàng của mỗi tàu.

3.4.2.2. Tại Cảng dỡ hàng

- Khi tàu cập Cảng dỡ hàng, đại diện Bên mời thầu cùng đại diện Nhà thầu (Chủ tàu/Bên B) tiến hành tổ chức giám định lại khối lượng hàng hóa bằng phương pháp đo mớn nước để xác định khối lượng vận chuyển (Khối lượng thanh toán). Trong trường hợp Bên mời thầu không tổ chức giám định lại khối lượng, thì Nhà thầu được coi là giao đủ hàng khi các niêm phong kẹp chì trên tàu còn nguyên vẹn.

- Nếu khối lượng hàng tại địa điểm dỡ hàng lớn hơn so với khối lượng tại địa điểm xếp hàng (theo biên bản giao nhận giữa đại diện Bên mời thầu và Nhà thầu (Bên B/Chủ tàu) thì Nhà thầu phải giao số hàng thừa đó cho Chi nhánh phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả mà không được tính thêm chi phí vận chuyển.

3.4.3. Về tỷ lệ hao hụt cho từng chuyến hàng

Tỷ lệ hao hụt cho từng Tàu theo từng chuyến hàng không vượt quá 0,1% so với Biên bản giám định của Đơn vị giám định tại Cảng xếp hàng.

3.4.4. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

3.4.4.1. Về khối lượng vận chuyển

Nhà thầu không hoàn thành khối lượng vận chuyển theo kế hoạch (cho mỗi đợt từ ngày 1-10; ngày 11-20 và từ ngày 21 đến hết tháng) đã được Bên mời thầu thông báo đặt hàng (hoặc thông báo điều chỉnh), thì Nhà thầu phải chịu phạt và bồi hoàn như sau:

- Khối lượng hoàn thành kế hoạch $\geq 95\%$: Miễn phạt.

- Khối lượng hoàn thành kế hoạch từ 75% đến dưới 95%: Giá trị phạt Nhà thầu = 8% x đơn giá vận chuyển x khối lượng không hoàn thành.

- Khối lượng hoàn thành kế hoạch dưới 75%: thì Bên mời thầu có quyền lựa chọn mức phạt hoặc bồi thường thiệt hại (không cần chứng minh tổn thất) được nêu dưới đây:

(1) Rút Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

(2) Bên mời thầu có quyền huỷ phần còn lại của hợp đồng và Nhà thầu

phải chịu mức phạt bằng tám phần trăm (8%) tổng giá trị phần bị huỷ.

(3) Nhà thầu tự nguyện bồi hoàn thiệt hại cho Bên mời thầu số tiền: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) hoặc Bên mời thầu tự khấu trừ số tiền: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) nếu các khoản thanh toán của Bên mời thầu phải trả Nhà thầu (chưa đến thời hạn phải trả) lớn hơn 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

(4) Có quyền chuyển khối lượng để giao cho Nhà thầu khác thực hiện.

(Ghi chú: Bên mời thầu có quyền lựa chọn một hoặc nhiều trường hợp trong bốn trường hợp nêu trên mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu).

3.4.4.2. Về hao hụt, tổn thất hàng hóa trong quá trình vận chuyển

Trong trường hợp tại Cảng dỡ hàng, Bên mời thầu có tổ chức giám định lại khối lượng hàng hóa. Nếu phát hiện khối lượng hàng hóa thiếu hụt vượt quá định mức cho phép thì Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường theo các trường hợp sau:

- Trường hợp 1: Nếu còn niêm phong kẹp chì, mà khối lượng hàng tại Cảng dỡ hàng nhỏ hơn (<) so với khối lượng tại Cảng xếp hàng và vượt quá tỉ lệ hao hụt cho phép (0,1%) thì giá trị Nhà thầu phải bồi thường = (khối lượng hàng hao hụt thực tế - khối lượng hàng hao hụt cho phép) x Giá mua của Chi nhánh phía Nam/Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

- Trường hợp 2: Nếu mất niêm phong cặp chì (trừ bất khả kháng) mà hàng hóa bị thiếu hụt vượt quá tỉ lệ hao hụt cho phép thì Giá trị Nhà thầu phải bồi thường = 02 x khối lượng hàng hao hụt thực tế x Giá mua của Chi nhánh phía Nam/Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

- Trường hợp 3: Nếu hàng hoá bị hư hỏng (trừ bất khả kháng) mà do lỗi của Nhà thầu thì Giá trị Nhà thầu phải bồi thường = khối lượng hàng bị hư hỏng x Giá mua của Chi nhánh phía Nam/Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả + Chi phí xử lý hàng hỏng (nếu có).

- Trường hợp 4: Khi có sự cố ẩm ướt hàng do lỗi của Nhà thầu ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa (độ ẩm lớn hơn 01%) thì Nhà thầu phải bồi thường: 5.000 đồng/tấn (chưa thuế GTGT) x (25 – Hoạt tính cường độ 3 ngày thực tế do Bên mời thầu kiểm nghiệm) x Khối lượng hàng hóa suy giảm chất lượng.

- Trường hợp 5: Nếu để tổn thất, Nhà thầu phải bồi thường 100% giá trị hàng hóa bị tổn thất và có trách nhiệm vận tải bù lượng hàng tổn thất trong vòng 15 ngày tiếp theo. Nếu quá hạn 15 ngày, Nhà thầu phải chịu bồi thường 100% thiệt hại cho Bên mời thầu do thiếu Clinker gây ra.

3.4.4.3. Về vi phạm bố trí tàu chuyên tuyến

- Nếu Nhà thầu bố trí tàu chuyên tuyến không đúng với đăng ký hoặc tự ý điều động một trong số 02 tàu chuyên tuyến theo đăng ký đi thực hiện nội dung công việc khác không thuộc phạm vi gói thầu này mà chưa được sự đồng ý của Bên mời thầu bằng văn bản, thì Nhà thầu tự nguyện bồi hoàn số tiền 1.000.000.000 đồng/01 tàu (Một tỷ đồng) cho Bên mời thầu.

3.4.4.4. Về vi phạm thời gian xếp/dỡ hàng hóa

- Mức phạt được quy định như sau:

Trọng tải tàu	Mức phạt dôi nhật
Từ 10.000 tấn – 15.000 tấn	15.000.000 đồng /ngày/tàu
Từ 7.000 tấn – 10.000 tấn	10.000.000 đồng /ngày/tàu
Từ 3.000 tấn – 7.000 tấn	7.000.000 đồng /ngày/tàu

3.4.5. Nội dung khác

- Nhà thầu chịu trách nhiệm làm việc với các cơ quan hữu quan như: cảng vụ, hải quan, biên phòng, kiểm dịch... về các thủ tục theo quy định của nhà nước để phương tiện vận chuyển được phép và đủ điều kiện vào Cảng (nhập/xuất) của Bên mời thầu.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm bố trí phương tiện hỗ trợ như: tàu lai dắt, hoa tiêu để thực hiện công việc hỗ trợ phương tiện vận chuyển ra vào Cảng (nhập/xuất) của Bên mời thầu theo quy định chung.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm mua bảo hiểm hàng hóa cho mỗi chuyến hàng vận chuyển đường biển từ Cảng xếp hàng Bên mời thầu vào Cảng dỡ hàng Bên mời thầu.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về việc tuân thủ quy định của Hàng hải và cơ quan chức năng.

- Nhà thầu phải chịu mọi chi phí như: thuế, phí,... theo quy định của Nhà nước đối với dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường biển.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm toàn bộ về an toàn phương tiện, thuyền viên trong quá trình vận chuyển hàng cho Bên mời thầu; Chịu trách nhiệm bồi hoàn các chi phí, tổn thất phát sinh (nếu có) cho Bên mời thầu nếu để xảy ra mất an toàn tàu đâm va cảng và thiết bị xếp/dỡ tại 2 đầu cảng xếp hàng và dỡ hàng.

3.4.6. Điều chỉnh giá

Bên mời thầu mô tả các nội dung về điều chỉnh giá hợp đồng, đơn giá thực hiện các đợt như sau:

a. Công thức và cách điều chỉnh:

- Chi điều chỉnh: "Chi phí nhiên liệu" và không thực hiện điều chỉnh: "Các chi phí còn lại".

- Cách điều chỉnh đơn giá: chỉ thực hiện điều chỉnh "Chi phí nhiên liệu" và áp trực tiếp giá Dầu Diezel (Dầu diezel 0.05%S-II, Vùng 1) trước thuế GTGT vào Bảng số 1 nêu dưới đây:

Bảng số 1. Công thức điều chỉnh:

TT	Khoản mục chi phí	Định mức (lít/tấn)	Đơn giá (đồng/lít)	Thành tiền (đồng/tấn)	Ghi chú
1	Chi phí nhiên liệu (Dầu Diezel)	Định mức	ĐG _d	ĐG _d x định mức	A (Đơn giá được điều chỉnh)
2	Các chi phí còn lại			ĐG _{cd}	B (Đơn giá không được điều chỉnh)
	Đơn giá vận chuyển/tấn Clinker (đơn giá trước thuế GTGT)				C = A + B

b. Tỷ lệ tăng/giảm và cơ sở xác định đơn giá Dầu Diezel để xem xét điều chỉnh:

- Tại thời điểm chào thầu: theo thông báo giá của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại thời điểm mở thầu (Dầu diezel 0.05%S-II, Vùng 1, trước thuế GTGT).
 Tại thời điểm đề nghị điều chỉnh: theo thông báo giá của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại thời điểm đề nghị điều chỉnh (Dầu diezel 0.05%S-II, Vùng 1, trước thuế GTGT).

- Từng đợt điều chỉnh, thực hiện điều chỉnh dựa trên cơ sở biến động giá Dầu Diezel trước thuế GTGT (Dầu diezel 0.05%S-II, Vùng 1) tăng/giảm 05% trở lên so với giá Dầu Diezel tại thời điểm mở thầu;

- Cơ sở xác định đơn giá Dầu Diezel: theo thông báo giá của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

c. Thời gian xem xét/Thực hiện từng đợt và ngày xem xét làm cơ sở điều chỉnh:

- Thời gian xem xét điều chỉnh giá: 01 tháng/đợt.

- Thời gian thực hiện từng đợt được điều chỉnh giá: 01 tháng/đợt (thực hiện từ ngày đầu tháng đến hết ngày cuối tháng).

- Ngày xem xét làm cơ sở điều chỉnh cho từng đợt:

- Đợt 1: là ngày 28 của tháng ký hợp đồng (Ví dụ: Hợp đồng ký ngày

01/07/2026, ngày xem xét làm cơ sở điều chỉnh là ngày 28/07/2026; Hợp đồng ký ngày 07/07/2026, ngày xem xét làm cơ sở điều chỉnh là ngày 28/07/2026).

- Đợt 2: Là ngày 28 hàng tháng tiếp theo (Ví dụ: Hợp đồng ký ngày 01/07/2026, ngày xem xét làm cơ sở điều chỉnh Đợt 1 là ngày 28/07/2026, ngày xem xét làm cơ sở điều chỉnh Đợt 2 là ngày 28/08/2026, ngày xem xét làm cơ sở điều chỉnh Đợt 3 là ngày 28/09/2026, ngày xem xét làm cơ sở điều chỉnh Đợt N là ngày 28/N/202...).

d. Đơn giá thực hiện các đợt

d.1. Đơn giá thực hiện Đợt 1:

- Đơn giá Đợt 1: là đơn giá được đề nghị trúng thầu hoặc đơn giá thỏa thuận trong quá trình tiến hành hoàn thiện ký kết hợp đồng (nếu có).

- Thời gian thực hiện: thực hiện từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày cuối cùng của tháng ký hợp đồng.

d.2. Đơn giá thực hiện đợt tiếp theo:

- Đơn giá thực hiện đợt tiếp theo: là đơn giá được tính toán lại theo Bảng số 1 nêu trên.

- Thời gian thực hiện: thực hiện trong vòng 01 tháng (thực hiện từ ngày đầu tháng đến hết ngày cuối tháng).

e. Trong trường hợp đến thời điểm điều chỉnh giá mà đơn giá Dầu Diezel tăng/giảm nhỏ hơn 05% so với giá Dầu Diezel tại thời điểm mở thầu thì đơn giá thực hiện của Đợt điều chỉnh là đơn giá tại hợp đồng.

Ghi chú: Trong quá trình thương thảo hợp đồng với Nhà thầu được xếp hạng và được mời vào thương thảo hợp đồng. Nếu Nhà thầu nào không chấp nhận các nội dung về điều chỉnh giá nêu trên được hiểu là thương thảo hợp đồng không thành công. Bên mời thầu hoàn toàn có quyền mời Nhà thầu tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3.4.7. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng hoặc đối trừ công nợ.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Thời hạn thanh toán: Mỗi một chuyến tàu sẽ được thanh toán một lần trong vòng 120 ngày kể từ ngày Bên mời thầu nhận được biên bản giao nhận giữa đại diện Nhà thầu & Bên mời thầu và Nhà thầu giao đủ chứng từ thanh toán như sau:

- Giấy đề nghị thanh toán.

- Hoá đơn giá trị gia tăng của Nhà thầu.

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

- Phiếu vận chuyên.
- Biên bản giám định qua món nước tại Cảng xếp hàng.
- Biên bản kẹp chì tại Cảng xếp hàng + xác nhận tình trạng niêm phong tại Cảng dỡ hàng.
- Survey record tại Cảng dỡ hàng (nếu có).
- Biên bản giao nhận tại Cảng dỡ hàng.
- Bảng tổng hợp giá trị thanh toán (theo mẫu của bên mời thầu).
- Và các chứng từ liên quan khác phát sinh trong quá trình vận chuyên (nếu có).
- Thanh lý hợp đồng đối với trường hợp hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng hoặc đợt vận chuyên cuối cùng.

3.4.8. Quy định bổ sung về bất khả kháng

Các nội dung bổ sung về bất khả kháng gồm:

- Sự cố thiết bị/dây truyền của Bên mời thầu hoặc tiêu thụ của Bên mời thầu không đạt kế hoạch hoặc Bên mời thầu dừng lò phục vụ sửa chữa.
- Sự cố với các Tàu đang trong quá trình xếp/dỡ hàng.
- Thời tiết (mưa, bão) trong quá trình xếp/dỡ hàng không đủ điều kiện để xếp/dỡ hàng.
- Sự cố hàng hải khách quan trên tuyến luồng di chuyển của Tàu xếp/dỡ hàng.
- Gió từ cấp 5 trở lên theo thông báo của khí tượng thủy văn cho tuyến di chuyển của Tàu.

3.4.9. Quy định về xuất hóa đơn GTGT

- Sau khi hai bên ký xong "biên bản giao nhận hàng tại Cảng nhập", Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn nghiệm thu dịch vụ thực hiện theo ngày giao nhận hàng.

- Thời điểm xác định đơn giá cước là thời điểm ghi trên "Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ" của Bên mời thầu hoặc thời gian tàu của Nhà thầu xếp hàng tại Quảng Ninh.

Mục 4. Giải pháp và phương pháp luận

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại mục 3 Chương IV, gồm các phần như sau:

- Về tiến độ thực hiện.
- Về Phương tiện vận chuyên.
- Kê khai danh sách Tàu và các nội dung khác yêu cầu về Tàu.
- Các nội dung khác.

Mục 5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ

Các nội dung về kiểm tra, nghiệm thu: Như đã nêu tại mục 3.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Một số nội dung chính của Hợp đồng

1. Phương thức thanh toán: Tuân thủ theo Phương thức thanh toán tại chương IV HSMT.

2. Loại hợp đồng: Hợp đồng Theo đơn giá điều chỉnh.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 214 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

+ Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc bằng ngày Hợp đồng có hiệu lực.

+ Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

+ Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng.

+ Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực tối thiểu bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày kể từ ngày mở bảo đảm.

+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mời thầu khi Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.